TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/3/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thanh Giang

2. Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:*

Ông Phan Thanh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST -HN ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn:*

Chị Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 129E, ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*:

Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 48F, ấp 4, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu Đ cưới nhau năm 2008, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, anh Đ hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 07/10/2009. Chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Theo Bản tự khai ngày 30/11/2022, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Anh và chị D kết hôn vào năm 2008, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Thời gian sau này, do ghen tuông nên anh có đánh vợ, anh biết lỗi của mình, hy vọng vợ tha thứ, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 07/10/2009. Anh đồng ý để vợ nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Đ, chị Phan Thị Ngọc D chung sống với nhau năm 2008, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã

Phú Hưng, thành phố Bến Tre nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị D và anh Đ đã sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị D yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý vì cho rằng còn thương vợ, thương con. Xét thấy, hôn nhân giữa chị D, anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Diên yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 07/10/2009. Chị D yêu cầu được nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ cần giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Ngọc D đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

Chị Phan Thị Ngọc D được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ. Quan hệ hôn nhân của anh Đ, chị D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 07/10/2009. Giao con là Nguyễn Thị Diễm M cho chị Phan Thị Ngọc D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu nên không xét đến.

Anh Đ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010560 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị D, anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND xã P
(Số 09/2008/ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu